TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 123/2023/HNGĐ-ST Ngày: 30-11-2023 V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phan Thu Hiền

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

2. Bà Trần Thị Lệ

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 353/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2023 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2023/QĐST – HNGĐ ngày 20/11/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ D, khu phố E, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Thanh P, sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ D, khu phố E, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà B xây dựng gia đình với ông Trần Thanh P vào năm 1995, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T (nay là phường H, thị xã P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 11/11/1995.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến thời gian gần đây thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, đôi khi ông P có kiếm chuyện gây gỗ nhưng bà im lặng để không ảnh hưởng đến tâm lý của các con. Tuy nhiên đến nay bà B nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và bà không còn tình cảm với ông P nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà B và ông P có 03 con chung là Trần Nguyễn Mộng T, sinh năm 1996; Trần Nguyễn Bảo Q, sinh năm 2003 và Trần Nguyễn S, sinh ngày 08/3/2008. Đối với cháu T và cháu Q đã trưởng thành, bà B không yêu cầu Toà án giải quyết. Bà B có nguyện vọng giao cháu S cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà: Bà B giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện và không bổ sung gì thêm.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Trần Thanh P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông P thống nhất về thời gian kết hôn như bà B trình bày.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, đôi khi có phát sinh mâu thuẫn, nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong gia đình không đến mức phải ly hôn. Nay bà B yêu cầu ly hôn thì ông P không đồng ý vì ông còn yêu thương bà B và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Ông P và bà B có 03 con chung như bà B trình bày. Cháu T và cháu Q đã trưởng thành, ông không yêu cầu Toà án giải quyết. Trường hợp Toà giải quyết cho bà B được ly hôn với ông thì tôi đồng ý trực tiếp nuôi cháu Trần Nguyễn S đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông P không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1]Về tố tụng: Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, quan hệ pháp luật vụ án là: Ly hôn, tranh chấp nuôi con; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

Ông Trần Thanh P có đơn xin vắng mặt, căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông P.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở xác định: Bà Nguyễn Thị B và ông Trần Thanh P tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 11/11/1995 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T (nay là

phường H, thị xã P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên quan hệ hôn nhân giữa bà B, ông P là hợp pháp.

Xét về quan hệ hôn nhân của bà B, ông P: Bà B xác định vợ chồng chung sống nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên không hạnh phúc. Quá trình tố tụng bà B vẫn nhất quyết yêu cầu được ly hôn với ông P.

Ông P xác định vợ chồng chung sống có mâu thuẫn nhưng không trầm trọng đến mức phải ly hôn nên không đồng ý ly hôn. Ông P mong muốn đoàn tụ gia đình với bà B vì yêu thương bà B và không muốn ảnh hưởng đến tâm lý của các con. Tuy nhiên ông P không tự hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà B được. Toà án đã hướng các đương sự hoà giải đoàn tụ nhưng không có kết quả. Tại phiên toà, bà B vẫn nhất quyết yêu cầu ly hôn với ông P, điều đó khẳng định bà B hoàn toàn không còn tình cảm với ông P.

Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà B, ông P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà B đối với ông P.

Về con chung: Bà B và ông P có 03 con chung là Trần Nguyễn Mộng T, sinh năm 1996; Trần Nguyễn Bảo Q, sinh năm 2003 và Trần Nguyễn S, sinh ngày 08/3/2008.

Cháu T và cháu Q đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với cháu Trần Nguyễn S, bà B và ông P đều thống nhất trường hợp ly hôn sẽ giao cháu S cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), sự thoả thuận này của bà B, ông P phù hợp với nguyện vọng của cháu S là muốn sống với ông P. Do đó cần ghi nhận sự thoả thuận trên của bà B, ông P, giao cháu S cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông P không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với ông Trần Thanh P về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B được ly hôn với ông Trần Thanh P.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị B và ông Trần Thanh P có 03 con chung là Trần Nguyễn Mộng T, sinh năm 1996; Trần Nguyễn Bảo Q, sinh năm 2003 và Trần Nguyễn S, sinh ngày 08/3/2008.

Cháu T và cháu Q đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Buộc bà Nguyễn Thị B giao cháu Trần Nguyễn S cho ông Trần Thanh P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà Nguyễn Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007444 ngày 28/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Nguyễn Thị B đã nộp đủ án phí.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án*".

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã P;
- Chi cục THADS thị xã P;
- UBND phường H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thu Hiền